
.....

.....

.....

.....

TẬP LÀM VĂN

KỂ LẠI LỜI NÓI, Ý NGHĨ CỦA NHÂN VẬT

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết được hai cách kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật và tác dụng của nó: nói lên tính cách nhân vật và ý nghĩa câu chuyện (ND ghi nhớ).

2. Kỹ năng

- Bước đầu biết kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật trong bài văn kể chuyện theo hai cách: trực tiếp, gián tiếp. (BT mục III).

3. Thái độ

- HS tích cực, tự giác làm việc

4. Góp phần phát triển NL:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL tự học, NL giao tiếp.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ

- HS: SGK

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm

- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, chia sẻ nhóm 2, động não.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:(3p) + <i>Miêu tả ngoại hình nhân vật trong bài văn kể chuyện có tác dụng gì?</i> - GV kết nối - dẫn vào bài mới	- TBHT điều hành lớp trả lời, nhận xét + <i>Giúp làm nổi bật tính cách, thân phận của nhân vật</i>
2. Hình thành KT (12 p) * Mục tiêu: Biết được hai cách kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật và tác dụng của nó: nói lên tính cách nhân vật và ý nghĩa câu chuyện (ND ghi nhớ). * Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm 4 - Lớp	
a. Nhận xét Bài tập 1, 2: - Tổ chức cho hs đọc thầm bài văn ghi lại lời nói và ý nghĩ của cậu bé	- 1 hs đọc đề bài. - Nhóm 4 hs làm bài. Đại diện nhóm nêu kết quả.

vào bảng nhóm theo nhóm.
- Các nhóm nêu kết quả.

Ý nghĩ của cậu bé	Lời nói của cậu bé
- Chao ôi!xấu xí...	- Ông đừng.....cho ông cả.
- Cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được....	

+ *Lời nói và ý nghĩ của cậu bé cho ta thấy cậu bé là người ntn?*

+ *Cậu là người nhân hậu, giàu lòng trắc ẩn, giàu tình thương yêu con người và thông cảm với nỗi khốn khổ của ông lão.*

+ *Nhờ đâu mà em đánh giá được tính cách của cậu bé?*

...
+ *Nhờ lời nói và suy nghĩ của cậu.*

- Gv nhấn mạnh nội dung .

- Đọc thầm, thảo luận cặp đôi.

Bài 3: Lời nói, ý nghĩ của ông lão ăn xin trong hai cách kể đã cho có gì khác nhau?

+ HS tiếp nối nhau phát biểu đến khi có câu trả lời đúng.

+ Nhận xét, kết luận và viết câu trả lời vào cạnh lời dẫn.

Cách a) Tác giả kể lại nguyên văn lời nói của ông lão với cậu bé.

Cách a) Tác giả dẫn *trực tiếp* – tức là dùng nguyên văn lời của ông lão. Do đó các từ xưng hô là từ xưng hô của chính ông lão với cậu bé (ông – cháu).

Cách b) Tác giả kể lại lời nói của ông lão bằng lời của mình.

Cách b) Tác giả thuật lại *gián tiếp* lời của ông lão, tức là bằng lời kể của mình. Người kể xưng tôi, gọi người ăn xin là ông lão.

+ *Ta cần kể lại lời nói và ý nghĩ của nhân vật để thấy rõ tính cách của nhân vật.*

+ *Ta cần kể lại lời nói và ý nghĩ của nhân vật để làm gì?*

+ *Có 2 cách: lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.*

+ *Có những cách nào để kể lại lời nói và ý nghĩ của nhân vật?*

- 2 HS đọc thành tiếng.

b. Ghi nhớ:

- GV chốt lại nội dung

3. HĐ thực hành (18p)

* **Mục tiêu:** Bước đầu biết kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật trong bài văn kể chuyện theo hai cách: trực tiếp, gián tiếp. (BT mục III).

* **Cách tiến hành:** Cá nhân- Nhóm - Lớp

Bài 1: Tìm lời dẫn trực tiếp và gián tiếp.

Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp

- Tổ chức cho hs làm bài theo nhóm.

- 1 hs đọc đề bài, tiến hành thảo luận theo nhóm. ghi kết quả vào bảng nhóm.

- Hs đọc thầm 2 cách kể, nêu nhận xét của mình.

<p>- Gọi hs nêu miệng kết quả.</p> <p>+ Dựa vào dấu hiệu nào em nhận ra lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp?</p> <p>- Gv chữa bài, nhận xét, chốt lại 2 cách kể lại lời nói, ý nghĩ của nhân vật</p> <p>Bài 2: Chuyển lời dẫn gián tiếp thành trực tiếp.</p> <p>+ Muốn chuyển lời dẫn gián tiếp thành trực tiếp ta phải làm gì?</p> <p>- GV chốt lại lời giải đúng, chốt cách chuyển</p> <p>Bài 3: Chuyển lời dẫn trực tiếp thành gián tiếp.</p> <p>+ Muốn chuyển lời dẫn trực tiếp thành gián tiếp ta cần chú ý những gì?</p> <p>- GV chữa, chốt cách chuyển đổi</p> <p>4. HĐ ứng dụng (1p)</p>	<p>+ Dẫn gián tiếp: Bị chó sói đuổi</p> <p>+ Dẫn trực tiếp:</p> <p>- Còn tớ, tớ sẽ nói đang đi thì gặp ông ngoại.</p> <p>- Theo tớ, tốt nhất là chúng mình nhận lỗi với bố mẹ.</p> <p>+ Lời dẫn trực tiếp là một câu trọn vẹn được đặt sau dấu hai chấm phối hợp với dấu gạch ngang đầu dòng hay dấu ngoặc kép.</p> <p>+ Lời dẫn gián tiếp đứng sau các từ nói: rằng, là và dấu hai chấm.</p> <p style="text-align: center;">* Nhóm 2 – Lớp</p> <p>- 1 hs đọc yêu cầu</p> <p>- Hs làm bài theo nhóm 2, đại diện chia sẻ kết quả</p> <p>* Đáp án:</p> <p>a) Vua nhìn thấyhỏi bà hàng nước:</p> <p>- Xin cụ cho biết ai tên trâu này?</p> <p>Bà lão bảo:</p> <p>- Tâu bệ hạ, trâu này do chính già tên. Nhà vua không tin,nói thật:</p> <p>- Thưa, đó là trâu do con gái già tên.</p> <p>+ Thay đổi từ xưng hô và đặt lời nói trực tiếp vào sau dấu hai chấm kết hợp với gạch đầu dòng hoặc dấu ngoặc kép.</p> <p style="text-align: center;">* Cá nhân – Nhóm 2 – Lớp</p> <p>- HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>+ Ta đổi từ xưng hô, bỏ dấu ngoặc kép hoặc dấu gạch đầu dòng, gộp lại lời kể với lời nhân vật.</p> <p>- HS làm cá nhân – Đối chéo KT, chia sẻ kết quả</p> <p>* Đáp án:</p> <p>Bác thợ hỏi Hoè là cậu có thích làm thợ xây không. Hoè đáp rằng thích lắm.</p> <p>- Ghi nhớ 2 cách kể lại lời nói, ý nghĩ của</p>
--	--

5. HĐ sáng tạo (1p)

nhân vật
- VN tập chuyên đổi lời dẫn trực tiếp và gián tiếp

ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....
.....
.....

KHOA HỌC (VNEN)

CÁC CHẤT DINH DƯỠNG CÓ VAI TRÒ GÌ? (T2)

.....
.....
.....

KHOA HỌC (CT HIỆN HÀNH)

VAI TRÒ CỦA VI- TA- MIN, CHẤT KHOÁNG VÀ CHẤT XƠ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Kể tên những thức ăn chứa nhiều vi- ta- min (cà rốt, lòng đỏ trứng, các loại rau,...), chất khoáng (thịt, cá, trứng, các loại rau có lá màu xanh thẫm, ...) và chất xơ (các loại rau).
- Nêu được vai trò của vi- ta- min, chất khoáng và chất xơ đối với cơ thể:
 - + Vi- ta- min rất cần cho cơ thể, nếu thiếu cơ thể sẽ bị bệnh.
 - + Chất khoáng tham gia xây dựng cơ thể, tạo men thúc đẩy và điều khiển hoạt động sống, nếu thiếu cơ thể sẽ bị bệnh.
 - + Chất xơ không có giá trị dinh dưỡng nhưng rất cần để đảm bảo hoạt động bình thường của bộ máy tiêu hoá.

2. Kỹ năng

- Xác định và phân loại được các loại thức ăn chứa vi-ta-min và chất xơ

3. Thái độ

- Có ý thức bảo vệ nguồn nước.

4. Góp phần phát triển các năng lực:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL hợp tác, NL khoa học,...

II. CHUẨN BỊ :

1. Đồ dùng

- GV: Các hình minh hoạ ở trang 14, 15 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

- HS: + Có thể mang một số thức ăn thật như: Chuối, trứng, cà chua, đỗ, rau cải.
+ 4 tờ giấy khô A0.

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm, trò chơi, thí nghiệm
- KT: động não, tia chớp, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

<p>1. Khởi động (3p)</p> <p>+ Em hãy cho biết những loại thức ăn nào có chứa nhiều chất đạm và vai trò của chúng? + Chất béo có vai trò gì? Kể tên một số loại thức ăn có chứa nhiều chất béo</p> <p>- GV nhận xét, khen/ động viên.</p>	<p>- TBHT điều hành HS trả lời và nhận xét + Thức ăn có nhiều chất đạm: thịt, cua, trứng, cá, ... Có vai trò tạo ra những tế bào... + Chất béo có vai trò giúp cơ thể hấp thu các vi- ta- min A, D, E, K đó là các thức ăn: dầu, mỡ, vừng, lạc</p>																																																						
<p>2. Bài mới: (30p)</p> <p>* Mục tiêu:</p> <p>- Kể tên những thức ăn chứa nhiều vi- ta- min (cà rốt, lòng đỏ trứng, các loại rau,...), chất khoáng (thịt, cá, trứng, các loại rau có lá màu xanh thẫm, ...) và chất xơ (các loại rau). - Nêu được vai trò của vi- ta- min, chất khoáng và chất xơ đối với cơ thể:</p> <p>* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm- Lớp</p>																																																							
<p>HD1: Trò chơi: Tìm các loại thức ăn chứa nhiều vi- ta- min, chất khoáng và chất xơ:</p> <p>♣ Bước 1:- Gv chia lớp thành theo nhóm 2, mỗi nhóm đều có phiếu học tập - Yêu cầu HS ngồi quan sát các hình minh họa ở trang 14, 15 / SGK và kể tên các thức ăn có chứa nhiều vi- ta- min, chất khoáng, chất xơ.</p> <p>- GV nhận xét, khen.</p>	<p style="text-align: center;">Nhóm 2 - Lớp</p> <p>- HS làm việc theo nhóm. - Hoàn thiện bảng sau – Chia sẻ lớp</p> <table border="1" data-bbox="738 1228 1412 1879"> <thead> <tr> <th>Tên thức ăn</th> <th>Nguồn gốc TV</th> <th>Nguồn gốc ĐV</th> <th>Chứa vi- ta- min</th> <th>Chất khoáng</th> <th>Chất xơ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Rau cải</td> <td>+</td> <td>+</td> <td>+</td> <td>+</td> <td>+</td> </tr> <tr> <td>Trứng gà</td> <td>+</td> <td>+</td> <td>+</td> <td>+</td> <td>+</td> </tr> <tr> <td>Cà rốt</td> <td>+</td> <td></td> <td>+</td> <td>+</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Dầu ăn</td> <td>+</td> <td>+</td> <td>+</td> <td>+</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Chuối</td> <td></td> <td>+</td> <td></td> <td>+</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Cà chua</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Cá</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Cua</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>- Báo cáo kết quả bằng trò chơi tiếp sức.</p>	Tên thức ăn	Nguồn gốc TV	Nguồn gốc ĐV	Chứa vi- ta- min	Chất khoáng	Chất xơ	Rau cải	+	+	+	+	+	Trứng gà	+	+	+	+	+	Cà rốt	+		+	+		Dầu ăn	+	+	+	+		Chuối		+		+		Cà chua						Cá						Cua					
Tên thức ăn	Nguồn gốc TV	Nguồn gốc ĐV	Chứa vi- ta- min	Chất khoáng	Chất xơ																																																		
Rau cải	+	+	+	+	+																																																		
Trứng gà	+	+	+	+	+																																																		
Cà rốt	+		+	+																																																			
Dầu ăn	+	+	+	+																																																			
Chuối		+		+																																																			
Cà chua																																																							
Cá																																																							
Cua																																																							

- GV giảng thêm: **Nhóm thức ăn chứa nhiều chất bột đường như: sắn, khoai lang, khoai tây ... cũng chứa nhiều chất xơ.**

HD2: Vai trò của vi- ta- min, chất khoáng, chất xơ.

♣ Bước 1: GV tiến hành thảo luận nhóm theo định hướng.

- Yêu cầu các nhóm đọc phần Bạn cần biết và trả lời các câu hỏi sau:

+ Kể tên một số vi- ta- min mà em biết. Nêu vai trò?

+ Nếu thiếu vi- ta- min cơ thể sẽ ra sao?

+ Kể tên một số chất khoáng mà em biết?

+ Nêu vai trò của các loại chất khoáng đó?

+ Những thức ăn nào có chứa chất xơ?

+ Chất xơ có vai trò gì đối với cơ thể?

♣ Bước 2: GV kết luận:

+ Vi- ta- min là những chất tham gia trực tiếp vào việc xây

- HS lắng nghe

Nhóm 4 – Lớp

- HS làm theo nhóm 4.

+ Các loại vi- ta- min A, B, C, D, ... Là chất không tham gia trực tiếp vào việc ... cơ thể.

+ Nếu thiếu Vi- ta- min, Thiếu vi- ta- min A sẽ mắc bệnh khô mắt, quáng gà. Thiếu vi- ta- min D sẽ mắc bệnh còi xương ở trẻ em và loãng xương ở người lớn. Thiếu vi- ta- min C sẽ mắc bệnh chảy máu chân răng. Thiếu vi- ta- min B1 sẽ bị phù, ...

+ Can -xi, phot pho, sắt, kẽm, i- ốt, ... có trong các loại thức ăn như: Sữa, pho- mát, trứng, xúc xích, chuối, cam, gạo, ngô, óc, cua, cà chua, đu đủ, thịt gà, cà rốt, cá, tôm, chanh, dầu ăn, dưa hấu, ...

+ Chất khoáng tham gia vào xây dựng cơ thể. Ngoài ra, cơ thể còn cần một lượng nhỏ một số chất khoáng khác để tạo ra các men thúc đẩy và điều khiển hoạt động sống. Nếu thiếu các chất khoáng, cơ thể sẽ bị bệnh. Ví dụ: Thiếu sắt sẽ gây chảy máu. Thiếu can- xi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động cơ tim, khả năng tạo huyết và đông máu, gây bệnh còi xương ở trẻ em và loãng xương ở người lớn. Thiếu i- ốt sẽ sinh ra bướu cổ.

+ Các thức ăn có nhiều chất xơ là: Bắp cải, rau diếp, hành, cà rốt, súp lơ, đỗ quả, rau ngót, rau cải, mướp, đậu đũa, rau muống, ...

+ Chất xơ không có giá trị dinh dưỡng nhưng rất cần thiết để đảm bảo hoạt động bình thường của bộ máy tiêu hoá bằng việc tạo thành phân giúp cơ thể thải được các chất cặn bã ra ngoài.

- HS lắng nghe

<p>dụng cơ thể hay cung cấp năng lượng...</p> <p>+ Một số khoáng chất như sắt, can-xi ... tham gia vào việc xây dựng cơ thể. ...</p> <p>3. Hoạt động ứng dụng (1p)</p> <p>4. Hoạt động sáng tạo (1p)</p>	<p>- Ghi nhớ KT của bài</p> <p>- VN lên thực đơn cho 1 tuần với các nhóm thức ăn cho hợp lí</p>
--	---

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 22 tháng 9 năm 2018

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

MỞ RỘNG VỐN TỪ: NHÂN HẬU – ĐOÀN KẾT

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm Nhân hậu – Đoàn kết (BT2, BT3, BT4) ; biết cách mở rộng vốn từ có tiếng hiền, tiếng ác

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng dùng từ, đặt câu

3. Thái độ

- Tích cực, tự giác học bài. Biết sống nhân hậu, đoàn kết

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự học, NL ngôn ngữ, NL sáng tạo, NL phát hiện và giải quyết vấn đề

** GD BVMT: Giáo dục tính hướng thiện cho học sinh (biết sống nhân hậu và biết đoàn kết với mọi người)*

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ
- HS: Vở BT, bút, ..

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm,
- KT: động não, đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm 2, trình bày 1 phút

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3p)	- TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ

- Dẫn vào bài mới

2. Hoạt động thực hành (30p)

* **Mục tiêu:** Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ đề Nhân hậu – Đoàn kết (BT2, BT3, BT4) ; biết cách mở rộng vốn từ có tiếng hiền, tiếng ác

* **Cách tiến hành:**

Bài 1: Tìm các từ có tiếng : Hiền ; ác.

+ Tổ chức cho hs thảo luận theo nhóm, ghi kết quả vào phiếu học tập.

- Gọi hs trình bày kết quả.

- Gv chữa bài, nhận xét.

+ Gọi hs giải nghĩa một số từ.

Bài 2: Tìm từ trái nghĩa, cùng nghĩa

a. Tìm từ cùng nghĩa, trái nghĩa với từ nhân hậu?

b. Tìm từ cùng nghĩa, trái nghĩa với từ đoàn kết?

- Tổ chức cho hs làm bài theo nhóm.

- Chữa bài, nhận xét, yêu cầu HS đặt câu với từ vừa xếp

Bài 3: Điền từ vào chỗ chấm.

- Tổ chức cho hs làm bài cá nhân vào vở.

- Gọi hs đọc các thành ngữ, tục ngữ vừa điền đầy đủ.

- Gv nhận xét.

Bài 4: Giải nghĩa các thành ngữ, tục ngữ.

- Tổ chức cho hs làm bài cá nhân, nối

Nhóm 4 - Lớp

- 1 hs đọc đề bài.

- Nhóm 4 hs điền kết quả vào phiếu học tập – Chia sẻ lớp

Từ chứa tiếng: hiền	Từ chứa tiếng: ác
Hiền dịu, hiền đức, hiền hoà, hiền thảo, hiền khô, hiền thực.....	ác nghiệt, tàn ác, ác hại, ác khẩu, ác nhân, ác đức, ác quỷ...

- Hs dựa vào từ điển giải nghĩa một số từ vừa tìm được .

Nhóm 2 – Lớp

- Hs làm bài theo nhóm 2, trình bày kết quả.

	+	-
Nhân hậu	Nhân từ, nhân ái, hiền hậu, phúc hậu, đôn hậu, trung hậu...	Tàn ác, hung ác, độc ác, tàn bạo,...
Đoàn kết	Cưu mang, che chở, đùm bọc,.	Đè nén, áp bức, chia rẽ.

Cá nhân – Lớp

- 1 hs đọc đề bài.

- Hs điền từ vào câu tục ngữ , thành ngữ trong vở.

- 3 - 4 hs đọc các câu đã điền hoàn chỉnh.

a. Hiền như bọt (đất)

b. Lành như đất (bọt).

c. Dữ như cọp (beo).

d. Thương nhau như chị em ruột. (chị em gái)

Cá nhân – Lớp

- 1 hs đọc đề bài.

- Hs dùng từ điển để giải nghĩa theo yêu cầu.

tiếp nêu miệng kết quả * GDMT : <i>Giáo dục học sinh biết được lòng yêu thương người qua tinh thần đoàn kết.</i> 4. Hoạt động ứng dụng (1p) 5. Hoạt động sáng tạo (1p)	- Hs nối tiếp nêu miệng kết quả - HS lấy VD minh hoạ - Học thuộc lòng các câu thành ngữ, tục ngữ trong tiết học - Nêu hoàn cảnh sử dụng một trong các câu thành ngữ, tục ngữ đó
--	--

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

TOÁN

Tiết 15: VIẾT SỐ TỰ NHIÊN TRONG HỆ THẬP PHÂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS hệ thống hoá một số hiểu biết ban đầu về:
- + Sử dụng mười chữ số để viết số trong hệ thập phân .
- + Nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí của nó trong mỗi số .

2. Kỹ năng

- Vận dụng được vào giải bài toán có liên quan

3. Thái độ

- Tính chính xác, cẩn thận.

4. Góp phần phát triển các NL

- NL tự học, làm việc nhóm, NL tính toán, NL giải quyết vấn đề,...

* Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2 , bài 3

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng phụ
- HS: Vở BT, bút

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.
- KT: động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động: (3p) - GV dẫn vào bài mới	- TBHT điều hành lớp: Trò chơi Xì điện + Nêu quy luật của dãy số + Hoàn thành dãy số
2. Hình thành kiến thức mới: (12p)	

* **Mục tiêu:** HS bước đầu nhận biết được đặc điểm của hệ thập phân.

* **Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp**

a. Đặc điểm của hệ thập phân.

- Ở mỗi hàng chỉ có thể viết được 1 chữ số.

+ 10 đơn vị bằng mấy chục?

+ 10 chục bằng mấy trăm?

+ 10 trăm bằng mấy nghìn?

+ Trong hệ thập phân cứ 10 đv ở một hàng thì tạo thành mấy đv ở hàng trên liền tiếp nó?

* Chính vì thế ta gọi là **hệ thập phân**.

b. Cách viết số trong hệ thập phân:

+ Ta sử dụng những chữ số nào để viết được mọi số tự nhiên?

+ Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào đâu?

- Gv nêu VD: 999 nêu giá trị của mỗi chữ số 9 trong số trên?

* **Như vậy với 10 chữ số chúng ta có thể viết được mọi STN. Viết số tự nhiên với các đặc điểm như trên được gọi là viết số tự nhiên trong hệ thập phân**

+ 10 đơn vị bằng 1 chục

+ 10 chục bằng 1 trăm

+ 10 trăm bằng 1 nghìn

+ Trong.....cứ 10 đv ở một hàng tạo thành một đv ở hàng trên liền tiếp nó.

- HS nhắc lại

+ Sử dụng 10 chữ số: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

Hs nêu ví dụ: 789 ; 324 ; 1856 ; 27005.

+ Hs nêu giá trị của mỗi chữ số trong từng số.

+ Phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đó.

+ 9 ; 90 ; 900

- HS nhắc lại

2. Hoạt động thực hành: (18p)

* **Mục tiêu:** Vận dụng làm các bài tập liên quan

* **Cách tiến hành:**

Bài 1: Viết theo mẫu.

- Tổ chức cho HS làm bài cá nhân

- GV nhận xét, chốt cách đọc, viết số

Bài 2: Viết mỗi số sau thành tổng.

- Hs làm bài cá nhân

Cá nhân- Nhóm 2- Lớp

- 1 hs đọc đề bài.

- Hs làm cá nhân – Đổi chéo KT bài

- Thống nhất kết quả.

Đọc số	Viết số	Số gồm có
...

Cá nhân – Lớp

- 1 hs đọc đề bài.

- Hs viết vào vở - Chia sẻ kết quả:

$$387 = 300 + 80 + 7$$